

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 94/2023/DS-ST

Ngày: 11-8-2023

V/v tranh chấp tài sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Phước.
- Ông Nguyễn Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-DS ngày 17/4/2023 về việc “Tranh chấp tài sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-DS ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường C, khóm B, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Đường K, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 23/02/2023) (có mặt).

– **Bị đơn:** Ngân hàng Đ

Địa chỉ: Số K đường V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

* **Người đại diện hợp pháp của bị đơn:**

Ông Phạm Văn Hoàng P, sinh năm 1972 (có mặt). Bà Hoàng Thị Ngọc M, sinh năm 1979 (có mặt). Cùng địa chỉ: Ngân hàng Đ, số G đường D, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cùng là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Thanh Đ trình bày: Cha bà Nguyễn Thị Bé H là ông Trinh Minh P sinh năm 1927, quốc tịch A, chết ngày 14/05/2017, không để lại di chúc, nơi chết tại địa chỉ số G đường F, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo trích lục khai tử số 02/2017/TLKT do Ủy ban nhân dân thành phố S, cấp ngày 24/05/2017. Ông Trinh Minh P chung sống với bà Nguyễn Thị T (mẹ bà Bé H) tại Việt Nam từ năm 2001 đến khi chết vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông Trinh Minh P không có vợ, có một người con duy nhất là bà Nguyễn Thị Bé H. Ngoài ra ông Trinh Minh P không có con riêng, con nuôi hay cha, mẹ nuôi, cha mẹ ruột của ông P cũng đã chết. Di sản ông Trinh Minh P để lại gồm 10 sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng Đ, Chi nhánh S, tính đến ngày 11/8/2023 thì số tiền gửi gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng, số tiền lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058, tổng cộng 788.833.681 đồng, cụ thể:

1/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 1895327, tài khoản số: 742-1-00-0111939-6, số tiền gốc 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng);

2/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Số AAB 1898373, tài khoản số: 742-1-00-0111250-8, số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

3/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BLA 0341375, tài khoản số: 742-1-00-0106259-7, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

4/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 2131688, tài khoản số: 744-1-00-0007161-9, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

5/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0865957, tài khoản số: 742-1-00-0104499-3, số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu Mươi triệu đồng) và lãi 8.198.420 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng), tổng cộng 68.198.420 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

6/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0476205, tài khoản số: 742-1-00-0098587-7, số tiền gốc và lãi 2.834.929 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng);

7/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 302577, tài khoản số: 742-1-00-0096349-3, số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi 9.114.653 đồng (Chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), tổng cộng 29.114.653 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng);

8/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0261221, tài khoản số: 742-1-00-0092766-6, số tiền gốc và lãi 666.621 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng);

9/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292075, tài khoản số: 742-1-00-0081464-3, số tiền gốc 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) và lãi 16.019.058 đồng (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm

mười tám đồng), tổng cộng 50.019.058 đồng (Năm mươi triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng);

10/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292074, tài khoản số: 742-1-00-0081462-5, số tiền gốc 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Sau khi ông Trinh Minh P chết, bà Bé H có làm đầy đủ các thủ tục mà pháp luật đã quy định để khai nhận di sản thừa kế, gồm: Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 28/05/2017; Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông Trinh Minh P, tất cả các văn bản đều được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xác nhận và đã nhiều lần đến Ngân hàng Đ, Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), đề nghị cho bà Bé H được nhận toàn bộ số dư trong các sổ tiết kiệm mà bà được thừa kế duy nhất của ông Trinh Minh P, nhưng Ngân hàng Đ, Chi nhánh S không đồng ý cho bà Bé H nhận toàn bộ số tiền mà ông Trinh Minh P để lại.

Nay bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu công nhận di sản mà ông Trinh Minh P để lại gồm 10 sổ tiết kiệm nêu trên, tính đến ngày 11/8/2023 thì số tiền gửi gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng, số tiền lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058, tổng cộng 788.833.681 đồng cho bà Nguyễn Thị Bé H được thừa hưởng. Buộc Ngân hàng Đ, phải có trách nhiệm chi trả cho bà Nguyễn Thị Bé H toàn bộ số tiền còn lại trong 10 sổ tiết kiệm nêu trên mà ông Trinh Minh P để lại.

– *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Ngân hàng Đ trình bày:*

Ông Phạm Văn Hoàng P trình bày: Ông Trinh Minh P sinh năm 1927, quốc tịch A, có mở 10 Thẻ tiết kiệm tại Ngân hàng. Tính đến ngày 11/8/2023 thì số tiền gửi gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng, số tiền lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058, tổng cộng 788.833.681 đồng, cụ thể như sau: 1/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 1895327, tài khoản số: 742-1-00-0111939-6, số tiền gốc 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng); 2/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Số AAB 1898373, tài khoản số: 742-1-00-0111250-8, số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); 3/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BLA 0341375, tài khoản số: 742-1-00-0106259-7, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 4/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 2131688, tài khoản số: 744-1-00-0007161-9, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 5/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0865957, tài khoản số: 742-1-00-0104499-3, số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu Mươi triệu đồng) và lãi 8.198.420 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng), tổng cộng 68.198.420 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng); 6/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0476205, tài khoản số: 742-1-00-0098587-7, số tiền gốc và lãi 2.834.929 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); 7/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0302577, tài khoản số: 742-1-00-0096349-3, số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi 9.114.653 đồng (Chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba

đồng), tổng cộng 29.114.653 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng); 8/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0261221, tài khoản số: 742-1-00-0092766-6, số tiền gốc và lãi 666.621 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng); 9/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292075, tài khoản số: 742-1-00-0081464-3, số tiền gốc 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) và lãi 16.019.058 đồng (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng), tổng cộng 50.019.058 đồng (Năm mươi triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng); 10/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292074, tài khoản số: 742-1-00-0081462-5, số tiền gốc 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Bà Bé H có cung cấp cho Ngân hàng văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 28/05/2017; Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông Trịnh Minh P và yêu cầu được nhận số tiền của 10 Thẻ tiết kiệm nêu trên. Tuy nhiên do ông Trịnh Minh P quốc tịch A, nhưng phía nguyên đơn không cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan công chứng hoặc công chứng viên A hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo pháp luật A, trong đó nêu những người thừa kế khác của ông Trịnh Minh P ở A, các văn bản do cơ quan có thẩm quyền A phải được hợp pháp hoá lãnh sự dịch ra tiếng Việt, có chứng thực chữ ký theo quy định, trường hợp ai vắng thì phải có giấy uỷ quyền thì mới đủ điều kiện để chi trả. Ngân hàng sẽ chi trả khi có đủ người thừa kế của ông P.

Bà Hoàng Thị Ngọc Minh trình bày: Bà M thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn Hoàng P, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự, người làm chứng chấp hành đúng pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 2001 là con ông Trịnh Minh P sinh năm 1927 (chết năm 2017), quốc tịch A và bà Nguyễn Thị T. Ông P chết không để lại di chúc, khi còn sống ông Trịnh Minh P có mở 10 thẻ tiết kiệm tại Ngân hàng Đ, Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), tính đến ngày 11/8/2023 thì số tiền gửi gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng, số tiền lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058, tổng cộng 788.833.681 đồng, cụ thể như sau: 1/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 1895327, tài khoản số: 742-1-00-0111939-6, số tiền gốc 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng); 2/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Số AAB 1898373, tài khoản số: 742-1-00-0111250-8, số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); 3/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BLA 0341375, tài khoản số: 742-1-00-0106259-7, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 4/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 2131688, tài

khoản số: 744-1-00-0007161-9, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 5/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0865957, tài khoản số: 742-1-00-0104499-3, số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu Mươi triệu đồng) và lãi 8.198.420 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng), tổng cộng 68.198.420 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng); 6/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0476205, tài khoản số: 742-1-00-0098587-7, số tiền gốc và lãi 2.834.929 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); 7/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0302577, tài khoản số: 742-1-00-0096349-3, số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi 9.114.653 đồng (Chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), tổng cộng 29.114.653 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng); 8/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0261221, tài khoản số: 742-1-00-0092766-6, số tiền gốc và lãi 666.621 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng); 9/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292075, tài khoản số: 742-1-00-0081464-3, số tiền gốc 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) và lãi 16.019.058 đồng (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng), tổng cộng 50.019.058 đồng (Năm mươi triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng); 10/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292074, tài khoản số: 742-1-00-0081462-5, số tiền gốc 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Sau khi ông Trịnh Minh P chết, bà Bé H có đến Ngân hàng yêu cầu được nhận số tiền ông P gửi tiết kiệm và tiền lãi phát sinh, nhưng Ngân hàng không đồng ý, do bà Bé H không cung cấp được văn bản xác nhận của cơ quan công chứng, công chứng viên A hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo pháp luật A, trong đó có nêu những người thừa kế khác của ông Trịnh Minh P ở A, nếu nguyên đơn không cung cấp được các văn bản trên thì Ngân hàng chỉ chi trả theo phán quyết của Tòa án. Do các bên không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp và bà Bé H khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên thừa nhận ông Trịnh Minh P sinh năm 1927 (chết năm 2017), quốc tịch A, khi còn sống có mở 10 Thẻ tiết kiệm nêu trên tại Ngân hàng Đ, tính đến ngày 11/8/2023 thì số tiền gửi gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng, lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058, tổng cộng 788.833.681 đồng. Nguyên đơn bà Bé H trình bày ông P chết không để lại di chúc và cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh bà là con ruột của ông Trịnh Minh P và là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông P như: Giấy khai sinh (bút lục 11); Trích lục khai tử số 02/2017/TLKT ngày 24/5/2017 của ông Trịnh Minh P (bút lục 07); Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông Trịnh Minh Phuoc, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (bút lục 08); Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Bé H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Tờ cam kết ngày 11/3/2023 (bút lục 45) thể hiện nội dung bà Bé H là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông Trịnh Minh P (bút lục 09, 10). Đây là những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và công chứng hợp pháp nên không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự,

đồng thời bà Bé H cũng cam kết không có ai tranh chấp số tiền trên. Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Phạm Văn Hoàng P và bà Hoàng Thị Ngọc M cũng thừa nhận, từ khi ông Trinh Minh P chết đến nay, chỉ có bà Bé H đến Ngân hàng yêu cầu được nhận số tiền tiết kiệm do ông Trinh Minh P để lại, không có người nào khác đến yêu cầu được nhận hoặc có tranh chấp gì đối với số tiền ông P gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Ngoài ra người làm chứng là bà Nguyễn Thị T trình bày, bà và ông P chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có chụp ảnh cưới với sự chứng kiến của họ hàng và người thân của bà T tại Việt Nam, nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2017 thì ông P chết. Ông P không có vợ, con ở A, cha mẹ ông P cũng đã chết. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định bà Bé H là người thừa kế duy nhất, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trinh Minh P, nên được hưởng di sản của ông P để lại theo quy định tại Điều 649, Điều 650 Bộ luật Dân sự và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ngân hàng chi trả cho bà Bé H số tiền của 10 sổ tiết kiệm do ông P để lại, tính đến ngày 11/8/2023 với tổng số tiền 788.833.681 đồng. Trường hợp có người nào khác thuộc diện thừa kế tranh chấp số tiền nêu trên, sẽ được Toà án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đồng ý chi trả số tiền tiết kiệm cho nguyên đơn, lý do là ông Trinh Minh P quốc tịch A, nhưng phía nguyên đơn chỉ cung cấp văn bản chứng minh bà Bé H là người thừa kế của ông Trinh Minh P tại Việt Nam, không cung cấp cho Ngân hàng văn bản xác nhận của cơ quan công chứng, công chứng viên của nước A hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo pháp luật A, trong đó có nêu những người thừa kế khác của ông Trinh Minh P ở A, nên chưa đủ cơ sở để Ngân hàng chi trả tiền tiết kiệm mà ông Trinh Minh P đã gửi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cũng thừa nhận, khi ông P gửi các thẻ tiết kiệm nêu trên, thì Ngân hàng không có yêu cầu cung cấp thông tin về người được thừa kế của ông P. Xét thấy, Ngân hàng yêu cầu bà Bé H cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan công chứng, công chứng viên của nước A hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo pháp luật A về những người thừa kế khác của ông Trinh Minh P ở A, nhưng không đưa ra được căn cứ nào để yêu cầu như trên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình, phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó, nhưng bị đơn không chứng minh được ngoài bà Bé H thì còn người khác thuộc diện thừa kế của ông Trinh Minh P. Do đó Ngân hàng không đồng ý chi trả số tiền trên cho bà Bé H là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị

Bé H phải chịu 35.553.347 đồng. Ngân hàng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H.

– Công nhận 10 Thẻ tiết kiệm gồm: 1/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 1895327, tài khoản số: 742-1-00-0111939-6, số tiền gốc 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng); 2/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Số AAB 1898373, tài khoản số: 742-1-00-0111250-8, số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); 3/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BLA 0341375, tài khoản số: 742-1-00-0106259-7, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 4/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 2131688, tài khoản số: 744-1-00-0007161-9, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 5/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0865957, tài khoản số: 742-1-00-0104499-3, số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu Mươi triệu đồng) và lãi 8.198.420 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng), tổng cộng 68.198.420 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng); 6/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0476205, tài khoản số: 742-1-00-0098587-7, số tiền gốc và lãi 2.834.929 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); 7/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0302577, tài khoản số: 742-1-00-0096349-3, số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi 9.114.653 đồng (Chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), tổng cộng 29.114.653 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng); 8/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0261221, tài khoản số: 742-1-00-0092766-6, số tiền gốc và lãi 666.621 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng); 9/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292075, tài khoản số: 742-1-00-0081464-3, số tiền gốc 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) và lãi 16.019.058 đồng (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng), tổng cộng 50.019.058 đồng (Năm mươi triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng); 10/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292074, tài khoản số: 742-1-00-0081462-5, số tiền gốc 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng), tính đến ngày 11/8/2023 số tiền gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng (Bảy trăm bảy mươi hai triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng), số tiền lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058 (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi

tám đồng), tổng cộng 788.833.681 đồng (Bảy trăm tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi một đồng) là di sản thừa kế của ông Trịnh Minh P sinh năm 1927 và chết ngày 14/5/2017 để lại.

– Buộc Ngân hàng Đ (do Ngân hàng Đ Chi nhánh S là đại diện) có nghĩa vụ giao trả số tiền gửi tiết kiệm của ông Trịnh Minh P, tính đến ngày 11/8/2023 số tiền gốc và lãi nhập gốc là 772.814.623 đồng (Bảy trăm bảy mươi hai triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng), số tiền lãi phải trả bằng tiền mặt là 16.019.058 (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng), tổng cộng 788.833.681 đồng (Bảy trăm tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi một đồng) cho bà Nguyễn Thị Bé H được thừa kế, theo 10 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn sau: 1/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 1895327, tài khoản số: 742-1-00-0111939-6, số tiền gốc 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng); 2/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Số AAB 1898373, tài khoản số: 742-1-00-0111250-8, số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); 3/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BLA 0341375, tài khoản số: 742-1-00-0106259-7, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 4/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 2131688, tài khoản số: 744-1-00-0007161-9, số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); 5/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0865957, tài khoản số: 742-1-00-0104499-3, số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu Mươi triệu đồng) và lãi 8.198.420 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng), tổng cộng 68.198.420 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng); 6/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0476205, tài khoản số: 742-1-00-0098587-7, số tiền gốc và lãi 2.834.929 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); 7/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0302577, tài khoản số: 742-1-00-0096349-3, số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi 9.114.653 đồng (Chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), tổng cộng 29.114.653 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng); 8/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AAB 0261221, tài khoản số: 742-1-00-0092766-6, số tiền gốc và lãi 666.621 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng); 9/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292075, tài khoản số: 742-1-00-0081464-3, số tiền gốc 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) và lãi 16.019.058 đồng (Mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng), tổng cộng 50.019.058 đồng (Năm mươi triệu không trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng); 10/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số BAA 0292074, tài khoản số: 742-1-00-0081462-5, số tiền gốc 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng), đứng tên chủ sở hữu Trịnh Minh P do Ngân hàng Đ, Chi nhánh S phát hành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ngân hàng Đ không giao trả số tiền trên, thì Ngân hàng Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu 35.553.347 (Ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Bé H đã nộp 16.953.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007681, ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Nguyễn Thị Bé H còn phải nộp thêm 18.600.347 đồng (Mười tám triệu sáu trăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngân hàng Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh